

Bản án số: 271/2024/HC-PT
Ngày: 22/7/2024
V/v: “*Kiến quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường

Ông Đinh Phước Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 120/2024/TLPT-HC ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2024/HC-ST ngày 03/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1221/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Dương Kim S, sinh năm 1965; địa chỉ: B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông S: Ông Nguyễn Xuân B, địa chỉ: Tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân T1, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Đại T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Văn N – Trưởng phòng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1970; địa chỉ: B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Dương Kim S là ông Nguyễn Xuân B trình bày:

Ngày 01/7/1998 ông Dương Kim S đại diện các thành viên hộ gia đình ký Hợp đồng nhận khoán đất sản xuất nông nghiệp số 161/HĐKT với Công ty C (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C1) với diện tích đất khoán và nhận khoán là 5.045 m² có số thửa: 66; tờ bản đồ số: 7 (nay là thửa đất số 91, tờ bản đồ số 7), vị trí đất tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; thời gian nhận khoán từ 01/7/1998 đến hết ngày 31/12/2020.

Ngày 05/7/2000 UBND tỉnh T1 ban hành Quyết định số 1326/QĐ-UBND về việc thu hồi một phần diện tích đất của ông S trong hợp đồng liên kết để xây dựng trường trung học cơ sở T2 với diện tích 1.862 m².

Ngày 07/4/2015 UBND tỉnh T1 tiếp tục ban hành Quyết định số 822/QĐ-UBND về việc thu hồi một phần diện tích đất của ông S trong hợp đồng liên kết để xây dựng trung tâm thương mại B1 với diện tích 1.626 m².

Ngày 29/12/2022 Ủy ban Nhân dân thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 10635/QĐ-UBND “về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc phường T, thành phố B (Đợt 2 và đợt 3) đối với hộ gia đình ông S. Tổng diện tích thực tế sử dụng 1.862,2 m², thu hồi hết 100% diện tích đất với số tiền bồi thường hỗ trợ là: 532.264.063 đồng bao gồm các khoản sau: Nhà: 25.491.443 đồng. Vật kiến trúc: 35.694.378 đồng. Cây cối hoa màu: 108.366.040 đồng. Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ ổn định sản xuất và chấp hành tốt chính sách bàn giao mặt bằng: 13.862.200 đồng. Hỗ trợ khác: 348.850.000 đồng.

Tuy nhiên Ủy ban Nhân dân thành phố T1 còn xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông S (người nhận khoán đất sản xuất nông nghiệp) trong quản lý đất đai khi Nhà nước thu hồi đất theo Quyết định thu hồi

đất số: 07/QĐ-UBND ngày 04-01-2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh T1 gồm 02 khoản sau: Bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất; Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm. Do đó ông S làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết:

Huỷ một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông Khu dân cư P, phường T, thành phố B (Đ và đợt 3). Buộc Ủy ban Nhân dân thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk phê duyệt bổ sung: Bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất; Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

* Theo bản tự khai người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T1 trình bày:

Ông Dương Kim S sử dụng thửa đất số 91, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.862,2 m² có nguồn gốc liên kết sản xuất đất trồng cà phê với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C (Hợp đồng số 161/HĐKT). Năm 2017, UBND tỉnh T1 thu hồi đất của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C (do Công ty giải thể) giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk quản lý tại Quyết định 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, trong đó có thửa đất do ông Dương Kim S đang sử dụng.

Năm 2019, UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện Dự án Hạ tầng giao thông Khu dân cư P tại phường T tại Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 28/10/2019; Trên cơ sở đó, Trung tâm phát triển quỹ đất lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án nêu trên và được UBND thành phố T1 phê duyệt tại Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022, trong đó kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Dương Kim S là 532.264.061 đồng, ông Dương Kim S đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công thực hiện dự án.

Đối với nội dung ông Dương Kim S khởi kiện đề nghị phê duyệt bổ sung chi phí đầu tư còn lại vào đất: Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 7 do ông Dương Kim S đang sử dụng là đất Nhà nước giao cho Công ty TNHH MTV C quản lý, Công ty TNHH MTV C ký hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê với ông Dương Kim S tại hợp đồng số 161/HĐKT, thời hạn hợp đồng từ ngày 01/7/1998 đến ngày 31/12/2020, tại thời điểm lập phương án thì hợp đồng đã hết hạn nên không có cơ sở để bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất.

Đối với nội dung ông Dương Kim S khởi kiện đề nghị phê duyệt bổ sung hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hộ ông Dương Kim S sử

dụng thửa đất số 91, tờ bản đồ số 7 có nguồn gốc liên kết sản xuất đất trồng cà phê với Công ty TNHH MTV C (Hợp đồng số 161/HĐKT), đến nay đất đã được UBND tỉnh T1 thu hồi giao Trung tâm P quản lý, như vậy hộ ông Dương Kim S thuộc đối tượng áp dụng Hỗ trợ khác theo Khoản 3, Điều 20, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh T1, thực chất đây chính là khoản Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm được quy định tại Khoản 6, Điều 4, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP và Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh T1, việc ông yêu cầu bổ sung Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là việc đã được thực hiện. Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Dương Kim S do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk lập, được UBND thành phố T1 phê duyệt tại Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 đã đảm bảo quy định của Pháp luật. Do đó các nội dung khởi kiện của Ông Dương Kim S là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác đơn khởi kiện của ông Dương Kim S.

Quá trình làm việc tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Do điều kiện tôi thường xuyên đi làm ăn xa không có thời gian tham gia tố tụng, nay tôi giao toàn quyền quyết định việc giải quyết vụ án cho chồng tôi là ông Dương Kim S và đồng ý với lời trình bày của ông S.

Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2024/HC-ST ngày 03/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Kim S về việc: Huỷ một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông Khu dân cư P, phường T, thành phố B (Đ và đợt 3) đối với hộ ông Dương Kim S. Buộc UBND thành phố T1 phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường bổ sung phần bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại cho hộ ông Dương Kim S.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Kim S về việc: Huỷ một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông Khu dân cư P, phường T, thành phố B (Đ và đợt 3) đối với hộ ông Dương Kim S. Buộc UBND thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk, phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, trong đó bổ sung phần hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình ông Dương Kim S theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/4/2024, người bị kiện UBND thành phố T1 kháng cáo nội dung không chấp nhận về khoản hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đã được bồi thường trong khoản hỗ trợ khác, là không đúng quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị xét xử vắng mặt đương sự và không chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố T1 và giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của UBND thành phố T1; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Theo điểm b khoản 2 Điều 83, khoản 1 Điều 84 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi bổ sung theo khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai) thì:

“1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 của Nghị định này khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty N1, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau đây:...”

[1.2] Theo Biên bản xác minh hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp ngày 20/6/2022, đều thể hiện nội dung hộ gia đình ông S gồm 02 nhân khẩu là ông Dương Kim S, bà Nguyễn Thị H2 là hai nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp (BL số 11). Mặt khác tại các Biên bản kiểm đếm của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, thể hiện trên diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông S có nhiều loại cây trồng nông nghiệp có giá trị kinh tế, đang trong giai đoạn cho thu hoạch.

[1.3] Như vậy, có đủ căn cứ để xác định hộ gia đình ông S sử dụng đất có nguồn gốc từ hợp đồng liên kết với Công ty TNHH MTV C, sử dụng đất vào

mục đích sản xuất nông nghiệp, đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất bị thu hồi. Như vậy ông S và bà H2 đủ điều kiện được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

[1.4] Việc UBND thành phố T1, cho rằng hộ ông Dương Kim S thuộc đối tượng áp dụng Hỗ trợ khác theo khoản 3, Điều 20, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh T1, thực chất đây chính là khoản Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm được quy định tại Khoản 6, Điều 4, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP và Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh T1, nên yêu cầu của ông S về khoản hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đã được bồi thường trong khoản hỗ trợ khác, là không đúng quy định của pháp luật.

[1.5] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của UBND thành phố T1 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm UBND thành phố T1 không cung cấp chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố T1 và giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tại Đà Nẵng.

[2] Theo quy định khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án thì UBND thành phố T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 83, Khoản 1, 2 Điều 93 Luật đất đai năm 2013; Điều 19, Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh T1; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của UBND thành phố T1 và giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 171/2023/HC-ST ngày 16/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Kim S về việc: Huỷ một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông Khu dân cư P, phường T, thành phố B (Đ và đợt 3) đối với hộ ông Dương Kim S. Buộc UBND thành phố T1 phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường bổ sung phần bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại cho hộ ông Dương Kim S.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Kim S về việc: Huỷ một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông Khu dân cư P, phường T, thành phố B (Đ và đợt 3) đối với hộ ông Dương Kim S. Buộc UBND thành phố T1, tỉnh Đắk Lắk, phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, trong đó bổ sung phần hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình ông Dương Kim S theo quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: UBND thành phố T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0012855 ngày 06/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, UBND thành phố T1 đã nộp xong.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Thường